TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐĂKLĂK**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DSST
Ngày: 31/5/2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐĂK LĂK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tha

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan và ông Nguyễn Văn Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện* Cư M'gar *tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 265/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích Q (tên thường gọi: T), sinh năm 1977 - Vắng mặt.

Địa chỉ: TDP 3, thị trấn Quảng P, huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1978 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 11 Bà T, thành phố Buôn Ma T, tỉnh Đăk Lăk.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị H, ông Đoàn Văn S - Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu vực Phú H, thôn Đoàn K, xã Ea M, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích Q và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc B trình bày: Do quen biết nhau nên bà Nguyễn Thị Bích Q (tên thường gọi là T) cho bà Bùi Thị H, ông Đoàn Văn S vay tiền nhiều lần như sau: Ngày 04/6/2017 âm (ngày 27/6/2017 dương lịch), bà Q cho vợ chồng bà H vay 80.000.000 đồng, hẹn đến ngày 06/7/2017 âm (27/8/2017 dương) sẽ trả.

- Ngày 07/8/2017 âm (ngày 26/9/2017 dương lịch), bà Q cho vợ chồng bà H

vay 70.000.000 đồng.

- Cùng ngày 07/8/2017 âm (ngày 26/9/2017 dương), bà Q cho vợ chồng bà H vay 5.500.000 đồng.

Khi vay tiền, vợ chồng bà H cùng đi đến nhà bà Q để hỏi vay nhưng khi ký nhận tiền thì chỉ có một mình bà H viết họ tên và ký nhận.

Về lãi suất, bà Q và vợ chồng bà H tự thỏa thuận miệng với mức lãi suất 3%/tháng nhưng không ghi nhận trong giấy vay tiền.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông Sơn phải có nghĩa vụ trả só nợ 155.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ khi vay cho đến nay.

Trong quá trình tố tụng bị đơn Bùi Thị H trình bày: Bà thừa nhận trong năm 2017 có vay của bà Q (T) tổng số tiền là 155.500.000 đồng. Chữ ký, chữ viết Bùi Thị H trong tờ giấy kẻ ngang mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đúng là chữ viết và chữ ký của bà. Do làm ăn thua lỗ, bà H không có khả năng trả nợ cho bà Q nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về lãi suất, quá trình vay tiền bà Q đã tính lãi từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng/triệu/ngày đối với số tiền vay sau đó đã cộng dồn tiền gốc và tiền lãi thành khoản vay mới nên bà không chấp nhận trả tiền lãi cho bà Q.

Trong quá trình tố tụng bị đơn Đoàn Văn S: Tại biên bản làm việc ngày 08/11/2022, ông Đoàn Văn S khai không quen biết với bà Nguyễn Thị Bích Q và không liên quan gì đến khoản vay giữa bà Q với vợ ông Sơn là bà Bùi Thị H.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M’gar phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 470 của Bộ luật dân sự.

Chấp nhận một phần đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Bích Q.

Buộc bà Bùi Thị H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bích Q số tiền 155.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn Đoàn Văn S phải có trách nhiệm trả nợ cùng bà Bùi Thị H.

Về án phí: Bị đon chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu càu Tòa án giải quyết là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Bùi Thị H và Đoàn Văn S đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc B có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3]. Về nội dung vụ án: Trong năm 2017, bà Bùi Thị H và ông Đoàn Văn S vay của bà Nguyễn Thị Bích Q với tổng số tiền 155.500.000 đồng cụ thể như sau: 80.000.000 đồng vay ngày 04/6/2017 âm tức ngày 27/6/2017 dương lịch; 70.000.000 đồng và 5.500.000 đồng vay ngày 07/8/2017 âm tức ngày 26/9/2017 dương lịch). Chữ ký và chữ viết "Bùi Thị H" trong giấy vay là do bị đơn ký và viết ra. Quá trình thực hiện hợp đồng bà H và ông Sơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay như cam kết, không trả nợ khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên bà Nguyễn Thị Bích Q khởi kiện yêu cầu bà H và ông Sơn phải có nghĩa vụ trả só nợ 155.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ khi vay cho đến nay.

[3.1]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho rằng trong giấy vay tiền tuy không có chữ ký của ông Sơn nhưng khi vay số tiền trên thì ông Sơn (chồng bà H) biết vì có mặt lúc vay cho nên ông Sơn phải có nghĩa vụ trả nợ cùng bà H, tuy nhiên lời khai của nguyên đơn không được ông Sơn và bà H thừa nhận và trong giấy vay tiền cũng chỉ có chữ ký của bà H là người vay; Vì vậy, bà Bùi Thị H là người phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Nguyễn Thị Bích Q.

[3.2]. Về lãi suất: Trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất, quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật nhưng không được bị đơn chấp nhận. Giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên HĐXX xét thấy cần áp dụng mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đối với khoản tiền 80.000.000 đồng vay ngày 04/6/2017 âm, tức ngày 27/6/2017 dương lịch có xác định thời hạn trả nợ ngày 06/7/2017 âm, tức ngày 27/8/2017 dương lịch nên HĐXX xác định thời hạn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 28/8/2017.

Đối với khoản tiền 75.500.000 đồng vay ngày 07/8/2017 âm tức ngày 26/9/2017 dương lịch không xác định thời hạn trả nợ nên HĐXX xác định thời hạn vi phạm nghĩa vụ trả nợ vào thời điểm khởi kiện tức ngày 03/10/2022.

80.000.000 đồng x 10%/365 ngày x 2.103 ngày = 46.093.000 đồng.

75.500.000 đồng x 10%/365 ngày x 241 ngày = 4.985.000 đồng.

Tổng số tiền lãi: 46.093.000 đồng + 4.985.000 đồng = 51.078.000 đồng.

Như vậy bị đơn Bùi Thị H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Bích Q số tiền 206.578.000 đồng (trong đó: nợ gốc 155.500.000 đồng, nợ lãi 51.078.000 đồng).

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; cụ thể: 206.578.000 đồng x5% = 10.329.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 1 khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích Q.

Buộc bà Bùi Thị H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bích Q số tiền 206.578.000 đồng (trong đó: nợ gốc là 155.500.000 đồng, nợ lãi là 51.078.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn Đoàn Văn S phải có trách nhiệm trả nợ cùng bà Bùi Thị H.

Về án phí: Bà Bùi Thị H phải nộp 10.329.000 đồng tiền án phí dân sư sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Bích Q không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0013700 ngày 07/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Chi cục Thi hành án dân sự CưM'gar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đỗ Văn Tha

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**